

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2012

Hà Nội ngày ... tháng ... năm 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		391,294,731,043	400,871,261,063
I	Tiền và tương đương tiền	110		64,519,941,522	62,551,260,965
1.	Tiền mặt tại quỹ	111		4,328,283,664	3,066,389,430
2.	Tiền gửi ngân hàng	112		42,191,657,858	24,984,871,535
4.	Các khoản tương đương tiền	114		18,000,000,000	34,500,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		203,113,047,000	245,552,611,799
1.	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		40,254,589,617	94,920,289,315
2.	Đầu tư ngắn hạn khác	128		196,000,000,000	165,200,000,000
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(33,141,542,617)	(14,567,677,516)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108,966,268,647	81,310,748,523
1.	Phải thu khách hàng	131		112,649,094,852	75,755,551,601
2.	Trả trước cho người bán	132		3,918,602,272	3,869,767,298
3.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		442,837,767	439,260,271
5.	Các khoản phải thu khác	138		827,278,598	3,140,022,205
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8,871,544,842)	(1,893,852,852)
IV.	Hàng tồn kho	140		1,044,131,262	443,173,168
2.	Nguyên liệu, vật liệu	142		955,254,716	390,299,350
3.	Công cụ, dụng cụ	143		88,876,546	52,873,818
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		13,651,342,612	11,013,466,608
1.	Tạm ứng	151		12,742,968,217	9,606,180,322
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	152.1		802,173,439	1,290,332,837
4.	Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	154		106,200,956	116,953,449
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		218,698,898,415	165,317,933,718
I.	Tài sản cố định	210		39,134,293,880	41,720,586,886
1.	TSCĐ hữu hình	211		38,970,788,751	41,057,510,499
	- Nguyên giá	212		46,365,223,123	45,954,988,486
	- Giá trị khấu hao lũy kế	213		(7,394,434,372)	(4,897,477,987)
3.	TSCĐ vô hình	217		163,505,129	663,076,387
	- Nguyên giá	218		1,995,000,000	1,995,000,000
	- Giá trị khấu hao lũy kế	219		(1,831,494,871)	(1,331,923,613)
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		157,000,000,000	110,850,000,000
1.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		108,000,000,000	110,850,000,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	228		49,000,000,000	-
IV.	Tài sản dài hạn khác	240		22,564,604,535	12,747,346,832
1.	Chi phí trả trước dài hạn	152.2		175,173,453	148,591,646
2.	Ký quỹ bảo hiểm	241		6,000,000,000	6,000,000,000
4.	Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		6,620,265,186	6,598,755,186
5.	Tài sản thuê hoãn lại	243		9,769,165,896	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		250		609,993,629,458	566,189,194,781

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		294,225,955,768	233,206,213,410
I.	Nợ ngắn hạn	310		85,753,980,175	39,343,074,318
1.	Vay ngắn hạn	311		-	-
3.	Phải trả người bán	313		56,801,426,360	25,343,622,637
4.	Người mua trả tiền trước	314		3,605,192,016	930,437,673
5.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	315		14,230,339,181	11,260,924,087
6.	Phải trả người lao động	316		2,352,423,211	533,362,447
8.	Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	318		8,677,101,652	991,969,001
9.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	422		87,497,755	282,758,473
II.	Dự phòng nghiệp vụ	330		205,470,619,341	192,493,633,406
1.	Dự phòng phí	331		112,456,432,134	115,016,595,133
3.	Dự phòng bồi thường	333		69,364,813,035	59,701,530,448
4.	Dự phòng giao động lớn	334		23,649,374,172	17,775,507,825
III.	Nợ khác	340		3,001,356,252	1,369,505,686
1.	Chi phí phải trả	341		3,001,356,252	1,369,505,686
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		315,767,673,690	332,982,981,371
I.	Vốn chủ sở hữu	410		315,767,673,690	332,982,981,371
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
6.	Quỹ dự trữ bắt buộc	416		2,953,542,089	2,953,542,089
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	418		12,814,131,601	30,029,439,282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		609,993,629,458	566,189,194,781

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		26,455,603,499	28,626,599,146
Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Hạn mức kinh phí còn lại		-	-
Nguồn vốn khấu hao hiện có		-	-
Cổ phiếu lưu hành		-	-
Cổ tức phải trả		-	-

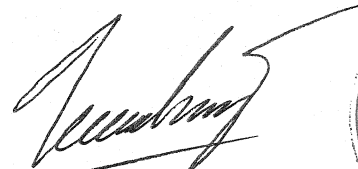
Ngày 26 tháng 10 năm 2012

LẬP BIỂU

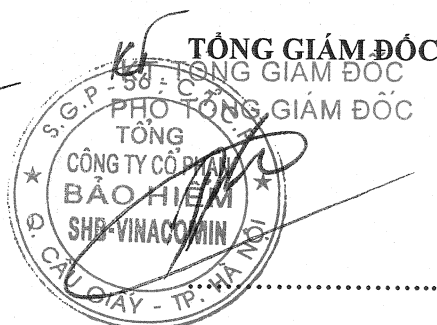


Ninh Viêt Hòa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Anh Hoàng



Trần Hùng Phú

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2012

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2012	9 tháng năm 2011
1	Thu phí bảo hiểm gốc	01		241,617,091,585	240,140,504,826
2	Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		27,284,219,719	14,221,845,520
3	Các khoản giảm trừ	03		73,105,766,416	57,452,247,744
	Phí nhượng tái bảo hiểm	04		71,184,681,039	56,301,076,535
	Hoàn phí bảo hiểm	06		1,921,085,377	1,140,943,548
	Các khoản giảm trừ khác	07		-	10,227,661
4	Tăng (giảm) dự phòng phí toán học	08		(2,560,162,999)	13,369,209,123
5	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		21,956,745,788	17,436,217,259
6	Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		6,383,326,884	4,090,944,404
	Thu nhượng tái bảo hiểm	12		6,862,093,155	3,945,373,841
	Thu hoạt động khác	13		(478,766,271)	145,570,563
7	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		226,695,780,559	205,068,055,142
8	Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		86,848,176,307	70,427,823,177
9	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		3,985,635,295	399,673,402
10	Các khoản giảm trừ	17		13,985,656,673	5,083,552,499
	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		13,962,846,673	3,795,870,975
	Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		-	1,287,030,524
	Thu hàng đã sử lý bồi thường 100%	20		22,810,000	651,000
11	Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		76,848,154,929	65,743,944,080
13	Tăng giảm dự phòng bồi thường	23		9,202,775,125	13,861,685,319
14	Số trích dự phòng giao động lớn trong năm	24		5,873,866,347	5,913,729,639
15	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		38,355,518,984	30,954,849,387
15.1	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		30,413,622,757	27,372,211,506
	Chi hoa hồng	27		25,908,133,676	23,977,037,263
	Chi giám định tổn thất	28		1,022,593,430	750,772,441
	Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		96,072,997	281,035,243
	Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		1,985,462,124	1,158,395,000
	Chi khác	33		1,401,360,530	1,204,971,559
15.2	Chi khác hoạt động nhận tái bảo hiểm	34		7,931,810,977	3,582,637,881
	Chi hoa hồng	35		6,952,721,821	3,515,246,559
	Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		731,701,907	30,380,853
	Chi khác	38		247,387,249	37,010,469
15.3	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh khác	40		10,085,250	-
16	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo	41		130,280,315,385	116,474,208,425
17	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		96,415,465,174	88,593,846,717
	Chi phí bán hàng	43		15,262,817,958	10,011,502,103
	Chi phí quản lý	44		82,046,279,720	81,445,628,025
18	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(893,632,504)	(2,863,283,411)
19	Doanh thu hoạt động tài chính	46	11	50,859,123,803	43,535,431,287
20	Chi phí hoạt động tài chính	47	12	29,717,631,388	8,950,711,484
21	Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		21,141,492,415	34,584,719,803
	Thu nhập khác	52		131,929,680	29,747,787
	Chi phí khác	53		669,417,005	88,436,882
22	Lợi nhuận hoạt động khác	54		(537,487,325)	(58,689,095)
23	Tổng lợi nhuận kế toán	55		19,710,372,586	31,662,747,297
25	Lợi nhuận trước thuế	57		19,710,372,586	31,662,747,297
27	Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		19,710,372,586	31,662,747,297
28	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13	14,852,471,542	7,860,652,535

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2012

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2012	9 tháng năm 2011
29	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	61	14	(9,769,165,896)	-
30	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62		14,627,066,940	23,802,094,762
31	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		488	793

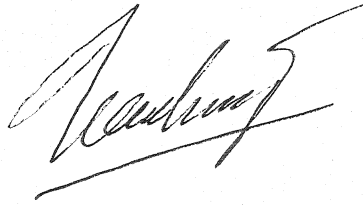
Ngày 26 tháng 10 năm 2012

LẬP BIỂU



Ninh Viêt Hòa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Anh Hoàng

TỔNG GIÁM ĐỐC
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

.....
Trần Hùng Phú

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý ... Năm

I/ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn :

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (sau đây gọi tắt là " Tổng Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 56GP/KDBH ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính cấp. Thời gian hoạt động theo Giấy phép là 99 năm. Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 10 lần được Bộ Tài chính cấp các Giấy phép điều chỉnh liên quan đến việc thành lập thêm các công ty con.

Vốn điều lệ: **300.000.000.000 VND** (Ba trăm tỷ đồng chẵn)

2- Lĩnh vực kinh doanh :

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty: Bảo hiểm phi nhân thọ.

3- Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh bảo hiểm gốc:

- + Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người;
- + Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
- + Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không;
- + Bảo hiểm xe cơ giới;
- + Bảo hiểm cháy, nổ;
- + Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- + Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- + Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.

Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

Quản lý quỹ, đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Trụ sở hoạt động:

Tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A cụm SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy-Hà Nội

Tel: (84-4) 3 793 1111 Fax: (84-4) 3 793 1155

Các đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. SVIC Hà Nội	Tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A cụm SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy-Hà Nội
2. SVIC Quảng Ninh	Số 95A đường Lê Thành Tông, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
3. SVIC Việt Bắc	Số 152 đường 74B, đường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4. SVIC Nam Sông Hồng	92 đường Nguyễn Trãi, Nam Định
5. SVIC Hải Phòng	Số 8 lô 22 Lê Hồng Phòng, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
6. SVIC Nghệ An	Số 74 đường Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

7. SVIC Tây Bắc	1824 Hùng Vương, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
8. SVIC Tây Nguyên	B9 Lý Tự Trọng, TP. Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
9. SVIC Đông Nam Bộ	102 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
10. SVIC Sài Gòn	194/6 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
11. SVIC Bắc Sông Hồng	Lô 7-10, khu phố 1, P. Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình
12. SVIC Bắc Miền Trung	119B, QL9, TP Đông Hà, Quảng Trị
13. SVIC Nam Miền Trung	3A1 Lý Tự Trọng, P. Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hoà
14. SVIC Thăng Long	Số 16 Trung Kính-Trung Hòa-Cầu Giấy-Hà Nội

Tên đơn vị thành viên

1. Công ty TNHH 1 TV đầu tư SVIC Tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A cụm SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy-Hà Nội

II/ Chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

1- Kỳ kế toán năm bắt đầu (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc 31/12 hàng năm)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng VN

3- Chế độ kế toán áp dụng :

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính) và các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành

4- Hình thức kế toán áp dụng :

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

5- Phương pháp kế toán hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ : Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/20... Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá

6- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Loại tài sản cố định

Thời gian (năm)

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

08

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm quản lý, khai thác nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và quản lý tài chính doanh nghiệp và phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian 08 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản trích trước chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất được trích lập bằng 5% tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thu được trong năm và 2% doanh thu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC

Năm 2009, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin đã được Bộ Tài chính chấp thuận Phương pháp trích lập dự phòng các nghiệp vụ bảo hiểm tại Công văn số 17121/BTC-QLBH ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Cụ thể phương pháp trích lập các quỹ dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường. Theo đó, dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường: áp dụng mức trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm thực giữ lại của năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Dự phòng dao động lớn

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập trong năm 2010 đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được hạch toán khi phát sinh trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên mua bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.

Cơ sở để doanh nghiệp bảo hiểm xác nhận doanh thu và bên mua bảo hiểm xác định doanh thu phí bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận từ việc góp vốn

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các chi phí tài chính khác.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn thu phí đã xuất cho khách hàng.

Khoản tra trước cho người bán được nhận toàn căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28/4/2009 hướng dẫn chế độ tài chính doanh nghiệp bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải xoá bỏ một khoản nợ bảo hiểm ra khỏi Bảng cân đối kế toán khi hợp đồng bảo hiểm đã

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ tính từ ngày phát hành hóa đơn thu phí bảo hiểm và thỏa thuận về thời gian nợ phí trên Hợp đồng bảo hiểm.

13.2 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày 31/12/20..

13.3 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

13.4 Nguyên tắc ghi nhận thu nhập và chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bảng thanh toán định kỳ (thường là hàng quý) được gửi tới hoặc nhận được từ các công ty nhận tái hoặc nhượng tái bảo hiểm, cụ thể:

Đối với các hợp đồng nhượng tái, là khi các bảng thanh toán được lập và được công ty nhận tái bảo hiểm xác nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Đối với các hợp đồng nhận tái, là khi Công ty xác nhận các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Do việc nhận/gửi các bảng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí. Theo đó, thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động này của quý bốn

Tái bảo hiểm tạm thời

Đối với các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm: Thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và bảng kê thanh toán có xác nhận của bên nhận tái (Đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) đến nhà

Đối với các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm: Thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và Công ty xác nhận bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái

13.5 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT đối với từng hoạt động nghiệp vụ như sau:

Nghệp vụ tái bảo hiểm:	Không chịu thuế
Các nghiệp vụ bảo hiểm con người:	Không chịu thuế
Các nghiệp vụ bảo hiểm khác:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thu

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

III: Thông tin bổ sung cho báo cáo tài chính**1. Tiền**

	30/09/2012	01/01/2012
Tiền mặt tại quỹ	4,328,283,664	3,066,389,430
Việt nam Đồng	4,328,283,664	3,066,389,430
Tiền gửi ngân hàng	42,191,657,858	24,984,871,535
Việt nam Đồng	12,382,380,970	12,919,581,768
Số dư tài khoản HBS	29,809,276,888	12,065,289,767
Tiền đang chuyển	-	-
Tương đương tiền	18,000,000,000	34,500,000,000
Cộng	64,519,941,522	62,551,260,965

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2012	01/01/2012
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	40,254,589,617	94,920,289,315
Cổ phiếu niêm yết	912,449,617	44,928,149,315
Cổ phiếu chưa niêm yết	9,342,140,000	6,492,140,000
Trái phiếu	30,000,000,000	43,500,000,000
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	-	1,500,000,000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	30,000,000,000	30,000,000,000
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	-	12,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi kỳ hạn)	196,000,000,000	165,200,000,000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	47,000,000,000	22,100,000,000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	20,000,000,000	20,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	-	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	110,000,000,000	90,000,000,000
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	10,000,000,000	33,100,000,000
- Công ty Đầu tư SVIC	-	-
- Ngân hàng VIBank Hà Đông	2,000,000,000	-
- Công ty CTTC Vietin	5,000,000,000	-
- Ngân hàng STB Phú Yên	2,000,000,000	-
Cộng giá gốc	236,254,589,617	260,120,289,315
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(33,141,542,617)	(14,567,677,516)
Giá trị thuần	203,113,047,000	245,552,611,799

3. Các khoản phải thu

	30/09/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng	112,649,094,852	75,755,551,601
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	24,437,189,267	16,240,221,651
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	11,576,575,543	2,730,565,335
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	46,446,028,558	34,268,920,002
Phải thu khác của khách hàng	30,189,301,484	22,515,844,613
Trả trước cho người bán	3,918,602,272	3,869,767,298
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	442,837,767	439,260,271
Phải thu nội bộ	-	-
Các khoản phải thu khác	827,278,598	3,140,022,205
Tổng cộng các khoản phải thu	117,837,813,489	83,204,601,375
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8,871,544,842)	(1,893,852,852)
Giá trị thuần các khoản phải thu	108,966,268,647	81,310,748,523

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

4. Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
1 - Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	30,189,452,727	11,996,668,486	3,728,807,273	40,060,000	45,954,988,486
- Số tăng trong năm	293,800,000	6,800,000	185,828,091	26,472,000	512,900,091
Trong đó : + Mua sắm	293,800,000	6,800,000	129,131,991	26,472,000	456,203,991
+ Xây dựng	-	-	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	56,696,100	-	56,696,100
- Số giảm trong năm	-	(56,696,100)	(45,969,354)	-	(102,665,454)
Trong đó : + Thanh lý	-	-	-	-	-
+ Nhượng bán	-	-	(31,050,000)	-	(31,050,000)
+ Giảm khác	-	(56,696,100)	(14,919,354)	-	(71,615,454)
- Số dư cuối năm	30,483,252,727	11,946,772,386	3,868,666,010	66,532,000	46,365,223,123
2 - Hao mòn lũy kế					-
- Số dư đầu năm	301,894,527	2,366,341,227	2,193,048,465	36,193,768	4,897,477,987
- Số tăng trong năm	948,331,962	1,060,799,482	503,404,746	12,567,335	2,525,103,525
+ Khấu hao	948,331,962	1,060,799,482	503,404,746	12,567,335	2,525,103,525
+ Tăng khác	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	-	(18,777,558)	(9,369,582)	(28,147,140)
+ Khấu hao	-	-	(15,261,130)	-	(15,261,130)
+ Giảm khác	-	-	(3,516,428)	(9,369,582)	(12,886,010)
- Số dư cuối năm	1,250,226,489	3,427,140,709	2,677,675,653	39,391,521	7,394,434,372
3 - Giá trị còn lại					-
- Tại ngày đầu năm	29,887,558,200	9,630,327,259	1,535,758,808	3,866,232	41,057,510,499
- Tại ngày cuối năm	29,233,026,238	8,519,631,677	1,190,990,357	27,140,479	38,970,788,751
Trong đó :					-
+ TSCĐ thế chấp cầm cố					-
+ TSCĐ tạm thời không sử dụng					-
+ TSCĐ chờ thanh lý					-

5. Tình hình tăng giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy chuyển nhượng quyền	Bản quyền bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
1 - Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	1,995,000,000	-	-	-	1,995,000,000
- Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Trong đó : + Mua	-	-	-	-	-
+ Tạo ra từ nội	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Trong đó : + Thanh lý, n	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	1,995,000,000	-	-	-	1,995,000,000
2 - Hao mòn lũy kế					
- Số dư đầu năm	1,331,923,613	-	-	-	1,331,923,613
- Số tăng trong năm	499,571,258	-	-	-	499,571,258
- Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	1,831,494,871	-	-	-	1,831,494,871
3- Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	663,076,387	-	-	-	663,076,387
- Tại ngày cuối năm	163,505,129	-	-	-	163,505,129

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2012	01/01/2012
Đầu tư chứng khoán dài hạn	108,000,000,000	110,850,000,000
Cổ phiếu niêm yết	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	2,850,000,000
Trái phiếu	108,000,000,000	108,000,000,000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái	53,000,000,000	43,000,000,000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Mi	25,000,000,000	25,000,000,000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	30,000,000,000	20,000,000,000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	-	20,000,000,000
Góp vốn liên doanh	-	-
Đầu tư dài hạn khác	49,000,000,000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	157,000,000,000	110,850,000,000

7. Phải trả người bán

	30/09/2012	01/01/2012
Phải trả của hoạt động bảo hiểm	54,581,167,915	22,668,605,992
Phải trả của hoạt động bảo hiểm gốc	5,510,337,228	4,086,481,275
Phải trả của hoạt động nhận tái bảo hiểm gốc	6,862,427,455	1,617,624,657
Phải trả của hoạt động nhượng tái bảo hiểm gốc	42,208,403,232	16,964,500,060
Phải trả về hàng hóa lao vụ	-	-
Phải trả khác	2,220,258,445	2,675,016,645
Cộng	56,801,426,360	25,343,622,637

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng	1,458,270,040	1,048,327,305
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,408,179,507	8,384,977,727
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
Thuế khác	363,889,634	1,827,619,055
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	14,230,339,181	11,260,924,087

9. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/09/2012	01/01/2012
Bảo hiểm xã hội	43,344,902	(3,173,815)
Bảo hiểm y tế	17,227,478	9,178,654
Kinh phí công đoàn	403,116,183	157,416,139
Cổ tức phải trả	1,086,118,000	331,037,400
Các khoản phải trả khác	7,127,295,089	497,510,623
Cộng	8,677,101,652	991,969,001

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

10 Vốn chủ sở hữu
Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Diễn giải	Vốn đầu tư của chủ sở hữu vốn	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2011	300,000,000,000	-	59,862,062	1,053,735,142	12,187,709,250	313,301,306,454
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	37,996,138,955	37,996,138,955
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(18,254,601,976)	(18,254,601,976)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	1,899,806,947	(1,899,806,947)	-
Giảm khác	-	-	(59,862,062)	-	-	(59,862,062)
Tại ngày 31/12/2011 (01/01/2012)	300,000,000,000	-	-	2,953,542,089	30,029,439,282	332,982,981,371
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	14,627,066,940	14,627,066,940
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(30,000,000,000)	(30,000,000,000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(29,439,282)	(29,439,282)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1,812,935,339)	(1,812,935,339)
Tại ngày 31/12/2012	300,000,000,000	-	-	2,953,542,089	12,814,131,601	315,767,673,690

Danh sách cổ đông

	31/12/2011		31/12/2020	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tập đoàn Vinacomin	5,940,000	19.80%	5,940,000	19.80%
Ngân hàng SHB	3,000,000	10.00%	3,000,000	10.00%
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp An sinh	-	0.00%	-	0.00%
Tập đoàn T&T	1,500,000	5.00%	1,500,000	5.00%
Công ty CP Đầu tư Tài chính Itasco	-	0.00%	-	0.00%
Công ty CP Hoa Sơn	-	0.00%	1,500,000	5.00%
Công ty CP chứng khoán SHS	3,000,000	10.00%	-	0.00%
Cổ đông khác	16,560,000	55.20%	18,060,000	60.20%
	30,000,000	100.00%	30,000,000	100.00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

11 Thu nhập tài chính

	9 tháng 2012	9 tháng 2011
Lãi tiền gửi	26,691,796,267	21,083,152,807
Lãi trái phiếu	19,588,674,140	20,601,259,681
Lãi kinh doanh chứng khoán	1,971,478,011	316,629,808
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	492,510,500
Lãi chênh lệch tỷ giá	105,972,400	281,689,756
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,501,202,985	760,188,735
Cộng	50,859,123,803	43,535,431,287

12 Chi phí tài chính

	9 tháng 2012	9 tháng 2011
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	3,235,259,748	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	201,837,256	2,682,835,996
Chi phí hoạt động tài chính khác	1,016,751,675	45,496,053
Dự phòng đầu tư (gốc trái phiếu)	30,000,000,000	6,222,379,435
Dự phòng phí bảo hiểm gốc	1,492,204,225	-
Dự phòng khác	8,339,256,000	-
Hoàn nhập dự phòng năm 2011	(14,567,677,516)	-
Cộng	29,717,631,388	8,950,711,484

13 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	9 tháng 2012	9 tháng 2011
Lợi nhuận trước thuế	19,710,372,586	30,430,383,141
Các khoản điều chỉnh	39,699,513,581	-
Tăng	-	-
Gốc trái phiếu SĐTL	30,000,000,000	
Dự phòng trái phiếu OTC	2,680,980,000	
Lãi trái phiếu SĐTL	5,490,000,000	
Phụ cấp HĐQT + BKS	622,850,000	
Khấu hao văn phòng	905,683,581	
Giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế	59,409,886,167	30,430,383,141
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành	14,852,471,542	7,860,652,535
Thuế TNDN điều chỉnh năm tài chính trước	-	-
Thuế TNDN phải nộp	14,852,471,542	7,860,652,535

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Cơ sở tính thuế

Dự phòng trái phiếu OTC

Lãi trái phiếu SĐTL

Khấu hao văn phòng

Tổng

Thuế TNDN hoãn lại

9 tháng 2012

9 tháng 2011

30,000,000,000

2,680,980,000

5,490,000,000

905,683,581

39,076,663,581

9,769,165,896

Ngày 26 tháng 10 năm 2012

LẬP BIỂU

Ninh Viết Hòa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

Vũ Anh Hoàng

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỀU TỈNH TÔNG GIÁM ĐỐC
S.G. PHO TÔNG GIÁM ĐỐC
TÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
SHB-VINA MIN
Đ. C. H. N. O. I.
GIẤY - TP. H. N. O. I.

Trần Hưng Phú